

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2009

THÔNG TƯ

**Quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức,
cá nhân vay vốn trung, dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam
và Quỹ đầu tư phát triển địa phương để thực hiện dự án
đầu tư mới để phát triển sản xuất - kinh doanh**

Căn cứ Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội;

Căn cứ Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất - kinh doanh; ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 670/TTg-KTTH ngày 05 tháng 5 năm 2009 về việc thực hiện các Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2009 và Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2009;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương để thực hiện dự án đầu tư mới để phát triển sản xuất - kinh doanh như sau:

Điều 1. Mục đích hỗ trợ lãi suất

Nhà nước hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam của các tổ chức, cá nhân tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương để thực hiện dự án đầu tư mới phát triển sản xuất - kinh doanh, kết cấu hạ tầng và các nhu cầu vốn thực hiện hợp đồng xuất khẩu nhằm giảm chi phí đầu tư, tăng năng lực sản xuất - kinh doanh, khả năng cạnh tranh sản phẩm, tạo việc làm.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng quy định về hỗ trợ lãi suất

1. Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam của các tổ chức, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư mới phát triển sản xuất - kinh doanh, kết cấu hạ tầng và các nhu cầu vốn thực hiện hợp đồng xuất khẩu (dưới đây gọi tắt là hỗ trợ lãi suất) bao gồm:

a) Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện hỗ trợ lãi suất cho các đối tượng vay vốn ưu đãi và các đối tượng vay vốn khác theo quy định tại Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2006 về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và các văn bản khác có liên quan.

b) Quỹ đầu tư phát triển địa phương được tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

2. Khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất, bao gồm:

a) Chủ đầu tư vay vốn Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

b) Chủ đầu tư vay vốn Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

3. Loại cho vay được hỗ trợ lãi suất là các khoản cho vay trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng ký kết trước và sau ngày 01 tháng 4 năm 2009 mà được giải ngân (một hoặc nhiều lần) trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 đến 31 tháng 12 năm 2009:

a) Các khoản cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo quy định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, bao gồm:

- Các khoản cho vay theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước ban hành trước thời điểm Nghị định số 106/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành;

- Các khoản cho vay theo danh mục vay vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước quy định tại Nghị định số 106/2008/NĐ-CP;

- Các khoản cho vay theo quy định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ: Dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; thanh toán chi phí đền bù, di dân tái định cư dự án thủy điện Sơn La; dự án vay vốn Quỹ quay vòng uỷ thác; tín dụng xuất khẩu có thời hạn vay vốn vượt quá 12 tháng; các dự án khác.

b) Các khoản cho vay đầu tư của Quỹ đầu tư phát triển địa phương thuộc các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng có phương án thu hồi vốn trực tiếp thuộc các chương trình, mục tiêu theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc, thời hạn, mức lãi suất và phương thức hỗ trợ lãi suất

1. Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất là Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương cho vay các nhu cầu vốn trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam theo cơ chế cho vay hiện hành và thực hiện hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 24 tháng, kể từ ngày giải ngân đối với các khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký kết trước và sau ngày 01 tháng 4 năm 2009 mà được giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 đến 31 tháng 12 năm 2009. Việc hỗ trợ lãi suất được thực hiện từ ngày 01 tháng 4 năm 2009 đến 31 tháng 12 năm 2011. Các khoản vay thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất bị quá hạn trả nợ, được gia hạn nợ vay, thời hạn vay thực tế vượt quá 24 tháng, thì không được tính hỗ trợ lãi suất đối với khoảng thời gian quá hạn trả nợ, gia hạn nợ và vượt quá 24 tháng.

3. Mức hỗ trợ cho khách hàng vay:

a) Mức lãi suất hỗ trợ cho khách hàng vay là 4%/năm, tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế, nằm trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2009 đến 31 tháng 12 năm 2011.

b) Trường hợp khách hàng có nhu cầu vay vốn trung, dài hạn bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương được cầm cố, bảo lãnh bằng giấy tờ có giá, sổ tiết kiệm và các hình thức bằng tiền khác (gọi chung là giấy tờ có giá) hoặc khách hàng có tiền gửi tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương, mà khoản vay đó thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất thì thực hiện hỗ trợ lãi suất như sau:

- Đối với giấy tờ có giá được mua hoặc đã có (phát sinh) trước ngày 01 tháng 02 năm 2009, thì Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện hỗ trợ lãi suất cho toàn bộ dư nợ vay phát sinh; đối với giấy tờ có giá được mua hoặc đã có (phát sinh) kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2009, thì Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương chỉ thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với phần dư nợ cho vay bằng chênh lệch giữa số dư nợ cho vay so với giá trị giấy tờ có giá được cầm cố hoặc bảo lãnh của khách hàng.

- Đối với khách hàng có tiền gửi tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương đã có (phát sinh) kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2009: Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương chỉ thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với phần dư nợ cho vay bằng chênh lệch giữa số dư nợ cho vay so với giá trị tài khoản tiền gửi của khách hàng.

4. Phương thức thực hiện hỗ trợ lãi suất là khi thu lãi tiền vay, Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương giảm trừ số tiền lãi phải trả cho khách hàng vay bằng với số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

Điều 4. Quy trình và trách nhiệm của khách hàng vay, Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện hỗ trợ lãi suất

1. Đối với khách hàng vay có khoản vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất:

a) Trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 đến 31 tháng 12 năm 2009, khi phát sinh khoản vay lần đầu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương nơi cho vay, khách hàng vay gửi giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo mẫu 01 tại Phụ lục Thông tư này, kể cả các khoản vay phát sinh từ ngày 01 tháng 4 năm 2009 đến trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất đã ghi trong hợp đồng tín dụng. Nếu sử dụng vốn vay không đúng mục đích theo đối tượng hỗ trợ lãi suất, thì không được hỗ trợ lãi suất và phải hoàn trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương số lãi tiền vay được hỗ trợ trước đó và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu để chứng minh mục đích vay vốn được hỗ trợ lãi suất và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

d) Thực hiện các quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương về thủ tục vay vốn, hỗ trợ lãi suất và chế độ báo cáo.

đ) Hạch toán khoản chi trả lãi tiền vay theo đúng số tiền lãi phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương, sau khi được hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật.

e) Yêu cầu Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương nơi cho vay thực hiện hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương:

a) Thực hiện hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; không được từ chối hỗ trợ lãi suất, nếu khoản vay thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất; định kỳ báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính để kiểm tra, giám sát tình hình hỗ trợ lãi suất; cung cấp các thông tin về tài khoản ngân hàng cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Sở Giao dịch và Vụ Chính sách tiền tệ) để chuyển tiền hỗ trợ lãi suất.

b) Căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất để ghi trong hợp đồng tín dụng các nội dung về hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật; từ chối các yêu cầu hỗ trợ lãi suất không đúng quy định của pháp luật.

c) Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp hỗ trợ lãi suất không đúng quy định của pháp luật.

d) Áp dụng cơ chế và lãi suất cho vay:

- Đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam: Áp dụng cơ chế và lãi suất cho vay theo quy định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương: Áp dụng cơ chế và lãi suất cho vay theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

đ) Thực hiện việc kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay để đảm bảo việc hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của pháp luật. Nếu phát hiện khách hàng vay sử dụng vốn vay không đúng mục đích thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất, thì thu hồi số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất trước đó; trường hợp không thu hồi được, thì báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý hoặc khởi kiện việc vi phạm hợp đồng tín dụng của khách hàng vay.

e) Hướng dẫn khách hàng vay để bảo đảm việc vay được thuận tiện, an toàn và đúng đối tượng.

g) Khi thu lãi tiền vay của khách hàng, Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện việc giảm trừ số lãi tiền vay phải trả của khách hàng bằng với số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật. Trường hợp đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa đến kỳ hạn thu lãi tiền vay, thì Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương tính số lãi tiền vay phải trả của khách hàng và thực hiện việc giảm trừ số lãi tiền vay bằng với số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất. Việc tính và thu lãi tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật; thực hiện hạch toán, theo dõi số lãi tiền vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất như sau:

- Hạch toán toàn bộ số lãi tiền vay vào thu nhập theo quy định của chế độ tài chính hiện hành; số lãi tiền vay hỗ trợ lãi suất do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển được hạch toán vào tài khoản riêng về hỗ trợ lãi suất năm 2009 - 2011.

- Có bảng kê (hoặc cơ sở dữ liệu) theo dõi chi tiết các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất (khách hàng vay, số tiền vay, thời hạn và lãi suất cho vay, số tiền hỗ trợ lãi suất...) để gửi cho khách hàng vay, phục vụ cho việc theo dõi, thống kê và kiểm toán nội bộ, báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

h) Lập giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất có xác nhận của khách hàng và Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoặc Quỹ đầu tư phát triển địa phương nơi cho vay (ký tên, đóng dấu) để làm chứng từ kiểm tra, giám sát. Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất được lập thành 02 bản, 01 bản lưu giữ hồ sơ tín dụng, 01 bản gửi cho khách hàng vay. Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất được lập từng lần khi thu lãi tiền vay và giảm trừ số lãi tiền vay được hỗ trợ lãi suất hoặc lập theo định kỳ hàng tháng phù hợp với thời hạn gửi báo cáo hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính.

i) Gửi báo cáo số tiền hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo các mẫu tại Phụ lục Thông tư này:

- Đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam: Gửi báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất hàng tháng theo mẫu 02 và 03 Phụ lục Thông tư này gửi chậm nhất là ngày 10 của tháng liền kề với tháng báo cáo.

- Đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương: Gửi báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất hàng tháng theo mẫu 04 Phụ lục Thông tư này gửi chậm nhất là ngày 10 của tháng liền kề với tháng báo cáo.

k) Theo dõi, thống kê kịp thời, chính xác các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất để phục vụ cho việc kiểm toán nội bộ, báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; mở các tài khoản hoặc áp dụng hệ thống quản lý thích hợp để hạch toán, thống kê riêng các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất.

l) Quản lý và lưu giữ hồ sơ các khoản cho vay được hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chuyển tiền hỗ trợ lãi suất và thanh tra, giám sát cho vay hỗ trợ lãi suất

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển số tiền hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương trên cơ sở báo cáo của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương về khoản vay đã thực hiện hỗ trợ lãi suất được Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và Bộ Tài chính tiến hành thanh tra, xác nhận các khoản vay này được hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện việc thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất đối với hoạt động cho vay hỗ trợ lãi suất của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương; kết thúc mỗi đợt thanh tra, kiểm tra, đại diện Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) và Bộ Tài chính xác nhận vào báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương để làm căn cứ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển tiền hỗ trợ lãi suất và xử lý các việc liên quan.

Điều 6. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Vụ Chính sách tiền tệ: Phối hợp với đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để xử lý các vấn đề về cơ chế hỗ trợ lãi suất; nhận giấy đăng ký kế hoạch hỗ trợ lãi suất và các báo cáo về tình hình hỗ trợ lãi suất của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương; thông báo việc chuyển số tiền hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương; hướng dẫn quyết toán số tiền hỗ trợ lãi suất; xây dựng báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Vụ Tài chính - Kế toán: Xử lý các vấn đề về hạch toán kế toán liên quan đến cơ chế hỗ trợ lãi suất.

3. Sở Giao dịch: Thực hiện việc hạch toán, chuyển số tiền hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Thông báo của Vụ Chính sách tiền tệ.

4. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Tài chính trong việc thanh tra, xác nhận báo cáo của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương về các khoản vay được hỗ trợ lãi suất tại mẫu 02, 03 và 04 Phụ lục Thông tư này theo đúng quy định của pháp luật để làm căn cứ cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển tiền hỗ trợ lãi suất đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương; kiến nghị với các cơ quan liên quan xử lý các vi phạm pháp luật được phát hiện trong các đợt thanh tra, kiểm tra cho vay hỗ trợ lãi suất tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Thực hiện việc kiểm tra, giám sát và thanh tra theo thẩm quyền tình hình thực hiện quy định của pháp luật về hỗ trợ lãi suất của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Quỹ đầu tư phát triển địa phương và báo cáo, đề xuất với Thống đốc Ngân hàng Nhà

nước và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xử lý các vấn đề phát sinh.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định về việc hỗ trợ lãi suất đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại Thông tư số 05/2009/TT-NHNN ngày 07 tháng 4 năm 2009 quy định chi tiết thi hành việc hỗ trợ lãi suất đối với các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng thực hiện đầu tư mới phát triển sản xuất - kinh doanh hết hiệu lực thi hành. Các khoản cho vay phát sinh từ ngày 01 tháng 4 năm 2009 thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Thông tư này mà chưa áp dụng cơ chế hỗ trợ lãi suất, thì Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ đầu tư phát triển địa phương thực hiện hỗ trợ lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày phát sinh khoản vay.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển địa phương, khách hàng vay chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. *lu*

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 7;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Lưu: VP, Vụ CSTT.

**KỖ THÔNG ĐỌC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



NGUYỄN ĐỒNG TIẾN

PHỤ LỤC
VỀ CÁC MẪU BIỂU ÁP DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG VAY
VÀ NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM, QUỸ ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số ~~24~~ /2009/TT-NHNN ngày ~~14~~ tháng ~~12~~ năm 2009
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

1. Mẫu 01: Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất tiền vay đối với khoản vay trung, dài hạn.
2. Mẫu 02: Báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay trung, dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo Quyết định số 443/QĐ-TTg và Thông tư số ~~24~~ /2009/TT-NHNN phân theo các dự án vay vốn tín dụng đầu tư và đối tượng khách hàng vay.
3. Mẫu 03: Báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay trung, dài hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo Quyết định số 443/QĐ-TTg và Thông tư số ~~24~~ /2009/TT-NHNN phân theo chi nhánh/sở giao dịch quản lý.
4. Mẫu 04: Báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất đối với khoản vay trung, dài hạn tại Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo Quyết định số 443/QĐ-TTg và Thông tư số ~~24~~ /2009/TT-NHNN phân theo các dự án vay vốn tín dụng đầu tư và đối tượng khách hàng vay.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN VAY
 ĐỐI VỚI KHOẢN VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN**

Kính gửi:
 (Ngân hàng Phát triển Việt Nam hoặc tên Quỹ đầu tư phát triển địa phương nơi cho vay)

Tên khách hàng vay:

Địa chỉ:

.....

Điện thoại: Fax: Email:

Tên đại diện tổ chức:

Chức vụ:

Căn cứ các quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 443/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2009 về việc hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn trung, dài hạn ngân hàng để thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất - kinh doanh và văn bản số 670/TTg-KTTH ngày 05 tháng 5 năm 2009; hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Thông tư số: ~~24~~ /2009/TT-NHNN ngày ~~14~~ tháng ~~12~~ năm 2009, chúng tôi đề nghị Ngân hàng Phát triển Việt Nam/Quỹ đầu tư phát triển địa phương hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay vốn trung, dài hạn để thực hiện đầu tư mới để phát triển sản xuất - kinh doanh, kết cấu hạ tầng theo các hợp đồng tín dụng được giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Chúng tôi cam kết chấp hành các quy định của pháp luật về cho vay, hỗ trợ lãi suất và các cam kết trong hợp đồng tín dụng; sử dụng vốn vay đúng mục đích, đúng đối tượng được hỗ trợ lãi suất; hoàn trả ngay số tiền đã được hỗ trợ lãi suất, nếu sử dụng tiền vay không đúng mục đích của đối tượng hỗ trợ lãi suất ghi trong hợp đồng tín dụng; chịu trách nhiệm trước pháp luật, nếu vi phạm hợp đồng tín dụng.

....., ngày tháng năm

KHÁCH HÀNG VAY

(ký tên và đóng dấu)

Hướng dẫn:

- Khách hàng vay chỉ gửi Giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất tiền vay 01 lần khi phát sinh khoản vay đầu tiên tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam/Quỹ đầu tư phát triển địa phương nơi cho vay trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN VAY ĐỐI VỚI KHOẢN VAY TRUNG, DÀI HẠN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 443/QĐ-TTG, THÔNG TƯ SỐ 05/2009/TT-NHNN VÀ THÔNG TƯ SỐ 24../2009/TT-NHNN PHÂN THEO CHI NHÁNH/SỞ GIAO DỊCH QUẢN LÝ THÁNG NĂM

Chi nhánh/Sở giao dịch	Trong tháng báo cáo				Đơn vị: đồng	
	Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất	Dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất tại thời điểm cuối tháng báo cáo	Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng	Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất	Lũy kế từ ngày 1/4/2009 đến cuối tháng báo cáo	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số						
Trong đó:						
1. Sở Giao dịch I						
2. Hải Phòng						
.....						
.....						
.....						

Kế toán trưởng (Trưởng phòng kế toán)

Trưởng Kiểm tra/Kiểm toán nội bộ

Tổng giám đốc (Giám đốc)

Hướng dẫn tổng hợp và gửi báo cáo:

- Cột (1): Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất là số lượng khách hàng được hỗ trợ lãi suất phát sinh trong tháng báo cáo (không tính trùng theo số lượt món vay).
- Cột (3): Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng được tính theo quy định của pháp luật đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.
- Cột (4): Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay được tổng hợp theo số liệu ghi trên Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất; tổng số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất phải bằng số tiền hỗ trợ lãi suất đã thực hiện hạch toán giảm trừ cho khách hàng vay.
- Cột (5): Lũy kế số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất được tính bằng số lượng khách hàng vay lũy kế của tháng báo cáo trước đó cộng với số lượng khách hàng vay phát sinh mới trong tháng báo cáo.
- Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước (email: phongcstd@sbv.gov.vn; fax: 04-38246953/38240132).
- Thời hạn gửi báo cáo: Hàng tháng, chậm nhất vào ngày 10 tháng liền kề tháng báo cáo; sau khi có xác nhận của Bộ Tài chính, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng về các khoản vay được hỗ trợ lãi suất tại báo cáo này, thì Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (bản chính) để chuyển tiền hỗ trợ lãi suất.
- Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm trả lời các chi tiết báo cáo khi Ngân hàng Nhà nước yêu cầu.
- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phản ánh kịp thời bằng văn bản hoặc qua số điện thoại: 04-38246955/38259158; fax: 04-38246953/38240132.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN VAY ĐỐI VỚI KHOẢN VAY TRUNG, DÀI HẠN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 443/QĐ-TT-G, THÔNG TƯ SỐ 24/2009/TT-NHNN PHÂN THEO CÁC DỰ ÁN VAY VỐN TÍN DỤNG VÀ ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG VAY THÁNG NĂM

TT	Chỉ tiêu	Trong tháng báo cáo				Lũy kế từ ngày 1/4/2009 đến cuối tháng báo cáo	
		Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất	Dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất tại thời điểm cuối tháng báo cáo	Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng	Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay	Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất	Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Tổng số Trong đó:						
1	Dự án về giao thông						
2	Dự án về cấp nước						
3	Dự án về nhà ở khu đô thị và khu dân cư để bán cho các đối tượng chính sách						
4	Dự án về xử lý rác thải của các khu đô thị						
5	Các dự án quan trọng do UBND tỉnh quyết định						
II	Tổng số các khoản vay được hỗ trợ lãi suất theo đối tượng khách hàng vay						
1	Doanh nghiệp Nhà nước						
2	Doanh nghiệp ngoài Nhà nước						

Trưởng Ban Tài chính kế toán

Trưởng Ban Tín dụng

....., ngày.....tháng.....năm ...*✓*
Giám đốc

Hướng dẫn tổng hợp và gửi báo cáo:

- Báo cáo này Quỹ đầu tư phát triển địa phương gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo địa chỉ: Văn phòng Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước - 49 Lý Thái Tổ - Hà Nội (email: phongcstd@sbv.gov.vn; fax: 0 38246953/38240132) và Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cột (1): Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất là số lượng khách hàng phát sinh trong tháng báo cáo (không tính trùng theo số lượt món vay); nếu 01 khách hàng vay có nhiều khoản vay thuộc các dự án khác nhau, thì liệt kê vào dự án có số dư nợ lớn nhất.

- Cột (3): Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng được tính theo quy định của pháp luật đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương..

- Cột (4): Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay được tổng hợp theo số liệu ghi trên Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất, tổng số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất phải bằng số tiền hỗ trợ lãi suất đã thực hiện hạch toán giảm trừ cho khách hàng vay.

- Cột (5): Lũy kế số lượng khách hàng được hỗ trợ lãi suất được tính bằng số lượng khách hàng vay lũy kế của tháng báo cáo trước đó cộng với số lượng khách hàng vay phát sinh mới trong tháng báo cáo.

- Thời hạn gửi báo cáo: hàng tháng, chậm nhất vào ngày 10 tháng liền kề tháng báo cáo; sau khi có xác nhận của Bộ Tài chính, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng về các khoản vay được hỗ trợ lãi suất tại báo cáo này, thì Quỹ đầu tư phát triển địa phương gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (bản chính) để chuyển tiền hỗ trợ lãi suất.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phản ánh kịp thời bằng văn bản hoặc qua số điện thoại: 04-38246955/38259158, fax: 04-38246953/38240132. *✓*

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỖ TRỢ LÃI SUẤT TIỀN VAY ĐỐI VỚI KHOẢN VAY TRUNG DÀI HẠN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 443/QĐ-TTG VÀ THÔNG TƯ SỐ 24/2009/TT-NHNN PHÂN THEO CÁC DỰ ÁN VAY VỐN TÍN DỤNG VÀ ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG VAY THÁNG NĂM

TT	Chỉ tiêu	Trong tháng báo cáo				Lũy kế từ ngày 1/4/2009 đến cuối tháng báo cáo	
		Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất	Dư nợ cho vay được hỗ trợ lãi suất tại thời điểm cuối tháng báo cáo	Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng	Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay	Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất	Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I.	Tổng số Trong đó:						
1.	Cho vay tín dụng đầu tư trong nước						
1.1	Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội						
1.2	Nông nghiệp, nông thôn						
1.3	Công nghiệp						
1.4	Các dự án cho vay theo Hiệp định Chính phủ; các dự án đầu tư ra nước ngoài theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ						
1.5	Các dự án tín dụng đầu tư trong nước						
2.	Cho vay dự án đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng						
3.	Cho vay tín dụng xuất khẩu trên 12 tháng						
4.	Cho vay các dự án Quỹ quay vòng						
5.	Cho vay chi phí đền bù, di dân tái định cư Dự án Thủy điện Sơn La						
6.	Cho vay khác						
II.	Tổng số các khoản vay được hỗ trợ lãi suất theo đối tượng khách hàng vay						
1.	Doanh nghiệp						
	- Doanh nghiệp nhà nước						
	- Doanh nghiệp ngoài nhà nước						
2.	Tổ chức khác						

Trưởng Ban Tài chính kế toán

Trưởng Ban Tín dụng

....., ngày.....tháng.....năm

Tổng Giám đốc

Hướng dẫn tổng hợp và gửi báo cáo:

- Báo cáo này Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo địa chỉ: \ Chính sách tiền tệ - Ngân hàng Nhà nước – 49 Lý Thái Tổ - Hà Nội (email: phongcstd@sbv.gov.vn; fax: 0 38246953/38240132) và Chi nhánh/Sở giao dịch Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi cho Ngân hàng Nhà nước C nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cột (1): Số lượng khách hàng vay được hỗ trợ lãi suất là số lượng khách hàng phát sinh trong tháng báo c (không tính trùng theo số lượt món vay); nếu 01 khách hàng vay có nhiều khoản vay thuộc các dự án khác nhau, t liệt kê vào dự án có số dư nợ lớn nhất.

- Cột (3): Số lãi tiền vay phải trả tính theo lãi suất trong hợp đồng tín dụng được tính theo quy định của ph luật đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

- Cột (4): Số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay được tổng hợp theo số liệu ghi trên Giấy xác nhận hỗ trợ lãi suất, tổng số lãi tiền vay đã hỗ trợ lãi suất phải bằng số tiền hỗ trợ lãi suất đã thực hiện hạch toán giảm trừ cho khách hàng vay.

- Cột (5): Lũy kế số lượng khách hàng được hỗ trợ lãi suất được tính bằng số lượng khách hàng vay lũy kế của tháng báo cáo trước đó cộng với số lượng khách hàng vay phát sinh mới trong tháng báo cáo.

- Thời hạn gửi báo cáo: Hàng tháng, chậm nhất vào ngày 10 tháng liền kề tháng báo cáo; sau khi có xác nhận của Bộ Tài chính, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng về các khoản vay được hỗ trợ lãi suất tại báo cáo này, thì Ngân hàng Phát triển Việt Nam gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (bản chính) để chuyển tiền hỗ trợ lãi suất.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phản ánh kịp thời bằng văn bản hoặc qua số điện thoại: 04 38246955/38259158, fax: 04-38246953/38240132.

www.LuatVietnam.vn